

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03/7/2020

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Hồng Việt**.

2. Bà **Bế Thị Hợi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Đức Quang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhất Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Gia H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị **Lô Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Gia H trình bày:

Anh H và chị Lô Thị T quen biết, tìm hiểu và tổ chức đám cưới về chung sống với nhau từ năm 2008. Đến ngày 22/4/2013 thì anh H và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau chị T thường xuyên đem con chung là cháu Nguyễn

Thục A, sinh năm 2015 về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Đến năm 2017 thì anh H và chị T đã sống ly thân. Chị T ở nhà bố mẹ đẻ cùng cháu Anh, còn anh H ở nhà mình với cháu lớn là Nguyễn Gia H1. Đến khoảng tháng 3 năm 2019 thì chị T đến Đồng Nai làm việc, ít về nhà. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh H được ly hôn với chị Lô Thị T.

Về con chung có 02 con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 29/11/2009 và Nguyễn Thục A, sinh ngày 25/3/2015. Hiện cháu Nguyễn Gia H1 đang do anh nuôi dưỡng trực tiếp, còn cháu Nguyễn Thục A do chị T nuôi dưỡng trực tiếp.

Nguyên vọng của anh mong muốn tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, giao con là Nguyễn Thục A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Lô Thị T đến làm việc, nhưng chị T không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ vụ án không có lời khai của chị T.

Tại phiên toà, nguyên đơn là anh Nguyễn Gia H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Lô Thị T, yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia H1, giao con là Nguyễn Thục A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Gia H đối với chị Lô Thị T.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Gia H giao cháu Nguyễn Gia H1 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao cháu Nguyễn Thục A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2019; giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh; biên bản làm việc; biên bản xác minh; Bản tự khai của nguyên đơn; biên bản ghi lời khai của

con chưa thành niên. Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Gia H yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với chị Lô Thị T, ngoài ra anh H còn yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Đơn khởi kiện anh Nguyễn Gia H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lô Thị T hiện cư trú tại thôn B, xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lô Thị T đã được toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Anh Nguyễn Gia H và chị Lô Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh H và chị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị T chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến năm 2017 thì anh H và chị T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau. Thực tế anh H và chị T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở Thôn 4, xã Ia Vê, huyện P, tỉnh Gia Lai sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh H và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung:

Anh Nguyễn Gia H và chị Lô Thị T có 02 con chung là: Nguyễn Gia H1, sinh ngày 29/11/2009 và Nguyễn Thục A, sinh ngày 25/3/2015. Hiện cháu Nguyễn Gia H1 đang do anh nuôi dưỡng trực tiếp, còn cháu Nguyễn Thục A do chị Lô Thị T nuôi dưỡng trực tiếp.

Xét thấy các cháu H1 và A đang còn nhỏ, nên việc giao cháu H1 cho anh H, giao cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của các con chung và phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

Anh H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Gia H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Gia H được ly hôn với chị Lô Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 29/11/2009 cho anh Nguyễn Gia H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của con chưa thành niên).

Giao cháu Nguyễn Thục A, sinh ngày 25/3/2015 cho chị Lô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Gia H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000312 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Gia H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Anh Nguyễn Gia H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/7/2020), chị Lô Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**